TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ–PT
Ngày: 27/4/2020.
V/v:"Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Thanh Hà

- *Các Thẩm phán*: Bà Vũ Thị Thu

Ông Lê Văn Quý

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tín – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phùng Đức Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 02/2019/TLPT–HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2020 về việc chấp "Ly hôn".

Do bản án hôn nhân gia đình số 193/2019/HNGĐ-ST ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020 và các Quyết định hoãn phiên tòa, thông báo dời ngày xét xử giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Vũ Hoàng Đ, sinh năm 1984.

Địa chỉ: 190/7A, khu phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Trần Thanh T – Văn phòng Luật sư N - Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1985.

Địa chỉ: 190/7A, khu phố 7, phường T, thành phố B, Đồng Nai.

Tạm trú: 53/20, đường 30/4, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(các đương sự ông Đ bà Y và luật sư có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 19/02/2019, các lời khai tại hồ sơ ông Vũ Hoàng Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, ông và bà Nguyễn Thị Y lập gia đình với nhau vào năm 2011, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, Đồng Nai. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn trong chuyện tình cảm, vợ chồng bất đồng quan điểm sống không thể giải quyết, hay xảy ra cãi vả dẫn đến xung đột trong cuộc sống. Ông xác định không còn tình cảm với bà Y nữa, hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông làm đơn xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị Y để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Có 02 con chung:

1/ Vũ Nguyễn Minh T, sinh ngày: 27/6/2012.

2/ Vũ Nguyễn Chân T2, sinh ngày: 31/10/2015.

Sau khi ly hôn, ông xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Vũ Nguyễn Minh T; ông đồng ý để bà Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Vũ Nguyễn Chân T2. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông làm đầu bếp ở khách sạn, thời gian làm việc theo ca: ca 1 từ 6 giờ sáng đến 14 giờ; ca 2 từ 14 giờ đến 21 giờ. Thu nhập trung bình từ 9 triệu đến 10 triệu đồng một tháng.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân của vợ chồng, theo như ông Đ trình bày như trên là đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó hay xảy ra mâu thuẫn, xích mích nguyên nhân do ông Đ có người phụ nữ khác bên ngoài.

Vì còn thương chồng, bà đã cố gắng níu kéo hàn gắn tình cảm nhưng không thay đổi được. Hơn một năm nay hai vợ chồng đã sống ly thân, ông Đ không qua lại, không thăm nom con cái. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đối với yêu cầu xin ly hôn của ông Đ thì bà cũng đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung:

1/ Vũ Nguyễn Minh T, sinh ngày: 27/6/2012.

2/ Vũ Nguyễn Chân T1, sinh ngày: 31/10/2015.

Ly hôn bà xin nuôi cả hai con vì hiện tại cả hai con vẫn đang sống với bà, bà làm chủ Salon tóc, có đủ thời gian và điều kiện để nuôi dưỡng hai con. Ông Đ làm việc theo ca, ông bà nội thì đã già yếu và hay bệnh nên sẽ không chăm sóc tốt cho cháu T như ông Đ trình bày.

Bà yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng mỗi cháu 2.500.000đ (5.000.000đ (năm triệu đồng)/ tháng cho cả hai cháu).

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại Bản án sơ thẩm số 193/2019/LHGĐST ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa quyết định:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

- Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Hoàng Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Vũ Hoàng Đ và bà Nguyễn Thị Y.

- Về con chung: Giao hai con chung là:

1/Vũ Nguyễn Minh T, sinh ngày: 27/6/2012.

2/ Vũ Nguyễn Chân T1, sinh ngày: 31/10/2015.

Cho bà Nguyễn Thị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Vũ Hoàng Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) (Mỗi cháu 2.000.000đ/ tháng) kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông Vũ Hoàng Đ được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không

đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Vũ Hoàng Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Vũ Hoàng Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004990 ngày 13 tháng 5 năm 2019 cuủa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Ông Vũ Hoàng Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 01/10/2019, Ông Vũ Hoàng Đ kháng cáo bản án sơ thẩm số 193/2019/HNGĐ-ST ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa. Ông xin được nuôi dưỡng một trong hai con chung; Xem xét lại số tiền cấp dưỡng, ông không đồng ý cấp dưỡng số tiền 2.000.000 đồng mỗi cháu trên một tháng.

Ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Đề nghị giao cháu T cho ông Đ nuôi dưỡng vì ông Đ có thu nhập ổn định 10.000.000đ/ tháng, ngoài ra, còn có bà nội hỗ trợ chăm cháu nếu ông Đ làm ca, nhà ông Đ rộng rãi thoáng mát và nếu giao ông Đ nuôi cháu Tánh thì ông Đ không phải trợ cấp nuôi con chung.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện về điều kiện nuôi con và sự phát triển của trẻ nên việc Tòa án sơ thẩm giao hai con cho bà Yêm nuôi là có căn cứ. Do đó đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Đạo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Vũ Hoàng Đ trong hạn luật định, ông Đ đã nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Cấp sơ thẩm xác định đúng và đầy đủ.

[3] Về nội dung kháng cáo:

Ông Vũ Hoàng Đ và bà Nguyễn Thị Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Đ, bà Y và không giải quyết về nợ chung, tài sản chung phần này không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Về con chung: ông Đ bà Y có hai con chung là cháu Vũ Nguyễn Minh T sinh năm 27/6/2012 và Vũ Nguyễn Chân T1 sinh ngày 31/10/2015. Xét kháng cáo của ông Đ yêu cầu nuôi cháu Vũ Nguyễn Chân T1 và nếu giao ông Đ nuôi cháu T1 thì ông Đ không phải trợ cấp nuôi con chung. Về phía bà Y tại phiên tòa phúc thẩm bà vẫn xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Xét về điều kiện chăm sóc con chung thì bà Y có công việc ổn định bà là chủ Salon tóc nên có đủ thời gian, điều kiện chăm con hơn ông Đ. Ông Đ trình bày làm đầu bếp ở khách sạn, thời gian làm việc theo ca: Ca 1 từ 06 giờ đến 14 giờ; ca 2 từ 14 giờ đến 21 giờ, khi ông đi làm ca, ông có thể nhờ mẹ ruột hỗ trợ chăm sóc cháu T1. Như vậy, để đảm bảo sự phát triển bình thường của hai con chung cần xem xét đến điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc con chung của các bên, tính đến ngày Tòa án cấp phúc thẩm xét xử thì hai cháu Vũ Nguyễn Minh T và Vũ Nguyễn Chân T1 đang sống với bà Y; hai chị em đang sống cùng nhau với mẹ và được bà Y chăm sóc nuôi dưỡng tốt, ông Đ cũng không có chứng cứ chứng minh bà Y không đủ điều kiện nuôi con chung.

Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử giao cả hai cháu Vũ Nguyễn Minh T và Vũ Nguyễn Chân T1 cho bà Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, và ông Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), (mỗi cháu 2.000.000đ/tháng) kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân là có căn cứ, đúng pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đ phải 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận định của Hội đồng xét xử và quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn không phù hợp nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

- Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Hoàng Đ. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Vũ Hoàng Đ và bà Nguyễn Thị Y.

2. Về con chung: Giao hai con chung là: Cháu Vũ Nguyễn Minh T, sinh ngày: 27/6/2012 và Cháu Vũ Nguyễn Chân T1, sinh ngày: 31/10/2015 cho bà Nguyễn Thị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Vũ Hoàng Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) (Mỗi cháu 2.000.000đ/ tháng) kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông Vũ Hoàng Đ được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Ông Vũ Hoàng Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông Vũ Hoàng Đ đã nộp theo biên lai thu số 0004990 ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa được trừ vào tiền án phí ông Đ phải

nộp.

Ông Vũ Hoàng Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông Vũ Hoàng Đ đã nộp theo biên lai thu số 0001403 ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa được trừ vào tiền án phí ông Đ phải nộp.

Ông Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuậnthi hành án, quyền yêu cầuthi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Thanh Hà